

Bá Thước, ngày 02 tháng 05 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N ;

Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn T , xã H T , Huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Quê quán: Thôn C , xã B C , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trương Văn Đ

Sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Thôn T , xã H T , Huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 04 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 04 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Ng và anh Trương Văn Đ

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị N và anh Trương Văn Đ đều tự nguyện, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Trương Văn Đ tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn anh Trương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trương Quốc B sinh ngày 07/10/2009 và cháu Trương Quốc A sinh ngày 21/8/2013 cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung là tùy tâm và điều kiện thực tế của chị Bùi Thị N. Anh Trương Văn Đ không yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng.

- Chị Bùi Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Bùi Thị N và anh Trương Văn Đ chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung: Không có.

-*Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị N và anh Trương Văn Đ tự nguyện thỏa thuận: Chị Bùi Thị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002859 ngày 19/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

